

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 4 - 2022

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Bà Phan Phượng Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Ông Tôn Minh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2017/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tô Thị Kim H, sinh năm 1971 (có mặt)

Bị đơn: Ông Đỗ Phú V, sinh năm 1968 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tô Kim Hai trình bày:

Về hôn nhân: Bà Tô Thị Kim H và ông Đỗ Phú V chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có hành vi bạo lực gia đình đối với bà Kim H. Bà Kim H có nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông V vẫn không sửa đổi. Xét thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn nên bà Kim H yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà Kim H và ông V được 04 người con chung: tên Đỗ Thị Hồng My, sinh năm 1991, Đỗ Phú Dự, sinh năm 1992, Đỗ Phú Định, sinh năm 1994 và Đỗ Phú Tính, sinh năm 1998. Các con đều đã trưởng thành nên bà Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung gồm có: Một căn nhà xây tường, lợp tol, nền lát gạch ngang 7m x dài 13m tọa lạc ấp Trung Đoàn, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, trị giá là 150.000.000 đồng; Một phần đất có diện tích 30.001,0 m² tọa lạc ấp Minh Trung, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Kim H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đỗ Phú V trình bày:

Về hôn nhân: Ông V đồng ý ly hôn với bà Kim H.

Về con chung: Ông V và bà Kim H được 04 người con chung như bà Kim H trình bày. Các con đã trưởng thành nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Ông V và bà Kim H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Tài liệu do nguyên đơn cung cấp: Quyết định số 34/UB-QĐ, ngày 16/7/1992 của UBND huyện An Minh về việc cấp đất cho ông Đỗ Phú V (photo); Bản tự khai của bà Kim H ngày 31/01/2018; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 01/4/2022 của bà Tô Thị Kim H.

Tài liệu do ông Đỗ Phú V cung cấp: Đơn xin vắng mặt ngày 07/4/2022 của ông Đỗ Phú V.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai bà Tô Thị Kim H ngày 17/02/2020; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/07/2018; Biên bản thẩm định tài sản ngày 13/7/2018;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị Kim H và ông Đỗ Phú V; Về con chung của bà Kim H và ông V đều đã trưởng thành. Về chia tài sản chung, tại phiên tòa bà Kim H xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với

yêu cầu chia tài sản chung của bà Kim H đối với ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đỗ Phú V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim H và ông V cưới nhau năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý bà Kim H và ông V không phải là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị Kim H và ông Đỗ Phú V theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Bà Kim H và ông V được 04 người con chung nhưng đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung: Theo đơn khởi kiện bà Kim H trình bày vợ chồng có được 01 căn nhà trị giá là 150.000.000 đồng; Một phần đất có diện 3.0001,0 m² tọa lạc ấp Minh Trung, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà Kim H yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung.

Tại đơn xin rút một phần khởi kiện ngày 01/4/2022 và tại phiên tòa, bà Kim H xin rút toàn bộ yêu cầu về phần chia tài sản chung để bà Kim H và ông V tự thỏa thuận. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V cũng không có yêu cầu về chia tài sản chung. Xét việc rút một yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của bà Kim H là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của bà Kim H.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Theo đơn khởi kiện bà Kim H có yêu cầu chia tài sản chung, đồng thời cũng có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên Tòa án đã ra quyết định xét thẩm định tại chỗ và trưng cầu định giá tài sản. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 15.963.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Do bà Kim H xin rút yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản. Đồng thời tại phiên tòa bà Kim H cũng tự nguyện chịu chi phí này. Hiện tại số tiền này bà Kim H đã nộp thanh toán xong.

[4]. Về án phí: Bà Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Kim H đã nộp là 10.000.000 đồng

(mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0006747 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà Kim H được nhận lại số tiền là 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tô Thị Kim H và ông Đỗ Phú V

2. Về con chung: Bà Kim H và ông Đỗ Phú V được 04 người con chung nhưng đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Do bà Kim H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Kim H về việc yêu cầu chia tài sản chung là một căn nhà trị giá 150.000.000 đồng và một phần đất có diện tích là 30.001,0 m² tọa lạc ấp Minh Trung, xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 15.963.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Bà Kim H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã nộp thanh toán xong.

5. Về án phí: Bà Kim H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0006747 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng. Bà Kim H được nhận lại số tiền là 9.700.000 đồng (chín triệu bảy trăm nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục THA huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh